

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HS-ST
Ngày 18-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Khi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vi Thị Yến Quỳnh

Ông Đặng Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hà Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Dương Văn S**, sinh ngày 11 tháng 7 năm 1985 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1960; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt. Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 22/12/2021 đến nay. Có mặt.

2. **La Văn H**, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1987 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn N (đã chết) và bà Lương Thị R, sinh năm 1954; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt. Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 06/01/2022 đến nay. Có mặt.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vương Văn T, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

2. Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người chứng kiến*: Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1966. Vắng mặt.

Địa chỉ: Phố V, xã H, huyện B1, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn S và La Văn H quen biết nhau và đi làm thuê tại xã Q, huyện B1, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 10 giờ ngày 22/12/2021, S rủ H đi ra huyện V, tỉnh Lạng Sơn mua ma túy để sử dụng, H nói không có tiền, S bảo H cứ đi cùng mua ma túy về sẽ cho H sử dụng, H đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, biển kiểm soát 12S1-131.10 chở S đi ra huyện V. Trên đường đi S gọi điện cho Vương Văn T, sinh năm 1993, trú tại thôn Q, xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn hỏi mua ma túy Heroine, T nói đang ở nhà và bảo S đến quán Bi-a của T ở thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn gặp người em của T để nhận ma túy (T không nói em tên gì), T nói còn hơn 2 phân ma túy Heroine giá 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Khi đi đến trước quán Bi-a của T, S bảo H chờ bên ngoài, S đi vào trong quán Bi-a hỏi người thanh niên là có thấy T nói gì không, người thanh niên bảo S đi vào phòng vệ sinh của quán Bi-a để nhận ma túy. S đi vào phòng vệ sinh được khoảng 2 phút thì người thanh niên đi vào đưa cho S 03 gói ma túy được bọc bằng túi nilon màu hồng và nói có hơn hai phân ma túy Heroine, S nhận gói ma túy và trả cho người thanh niên 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Mua ma túy xong, S cất gói ma túy vào túi áo rồi đi ra ngoài bảo H lái xe về, đi đến khu vực cầu B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, S bảo H dừng xe lại để sử dụng ma túy, S mở một gói ma túy lấy ra một phần ma túy để S và H sử dụng bằng cách hít, số ma túy còn lại S cất vào trong người. Sau khi sử dụng ma túy xong, H tiếp tục điều khiển xe chở S đi về, khi đi đến đoạn đường Đ, thuộc xã T, huyện B1, tỉnh Lạng Sơn thì S bảo H dừng xe để lên hang đá tiếp tục sử dụng ma túy, S lấy một phần ma túy ra để cùng H sử dụng. Số ma túy còn lại là 02 gói còn nguyên và 01 gói dùng dở, S chia gói ma túy dùng dở thành 03 gói nhỏ và cất số ma túy này vào ví và vào trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long. Sử dụng ma túy xong, H tiếp tục điều khiển xe mô tô chở S về xã Q, huyện B1, tỉnh Lạng Sơn. Khi đi đến thôn Đ, xã H, huyện B1, tỉnh Lạng Sơn thì bị Tổ công tác Công an huyện Bình Gia phát hiện, bắt quả tang thu giữ 05 gói nilon chất bột màu trắng nghi là chất ma túy Heroine và một số đồ vật, tài liệu khác. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Gia tiến hành khám xét chỗ ở của Dương Văn S nhưng không thu giữ gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Gia quyết định trưng cầu giám định tang vật thu giữ của Dương Văn S. Tại bản Kết luận giám định số 31/KL-PC09 ngày 24/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: “*Chất bột màu trắng gửi giám định đều là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 0,739 gam (đã trừ bì)*”.

Tại bản Kết luận giám định số 202/KL-PC09 ngày 28/4/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: “*Toàn bộ số tiền Việt Nam gồm 2.556.000 đồng trong phong bì gửi giám định đều là tiền thật*”.

Tại bản Cáo trạng số 72/CT-VKSLS-P2 ngày 04/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Dương Văn S và La Văn H về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo không chối tội mà khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên các bị cáo Dương Văn S, La Văn H phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng các điều khoản sau đây xử phạt bị cáo:

- Hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 51 khoản 1 điểm s Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt đối với các bị cáo Dương Văn S từ 15 tháng tù giam đến 24 tháng tù giam (*Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 22/12/2021*); Bị cáo La Văn H từ 12 tháng tù giam đến 18 tháng tù giam (*Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/01/2022*).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng cho bị cáo, vì bị cáo không có điều kiện để đảm bảo thi hành án.

b) Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- + Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì niêm phong *tang vật vụ án*, thu giữ của Dương Văn S có chữ ký cùng tên của những người tham gia giám định viên. Bên trong có: 01 (Một) gói nilon đựng 0,658 gam ma túy Heroin.

- + Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng.

- + Tịch thu sung quỹ: 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO màu tím, kiểu máy 1935; Số IMEI: 862101048750817; Số IMEI 2: 8621010487508009, điện thoại lắp sim số thuê bao 0373464954, ốp nhựa màu xanh, tình trạng đã qua sử dụng.

- Trả lại cho các bị cáo:

- + Bị cáo Dương Văn S: Số tiền 2.556.000đ (Hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

+ Bị cáo La Văn H: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER màu trắng đen, BKS: 12S1-131.10, số khung 1340JY066330, số máy E3S1E103982 tình trạng đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận mô tô La Văn H.

Bị cáo Dương Văn S và La Văn H không có ý kiến tranh luận, đồng ý với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện có trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa, căn cứ vào biên bản phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng, bản kết luận giám định, vật chứng thu được và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của bị cáo, đủ cơ sở kết luận, bị cáo Dương Văn S và La Văn H phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây tác hại cho xã hội, làm ảnh hưởng đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước; nghiện ma túy cũng là nguyên nhân phát sinh các tội phạm hình sự khác. Do vậy, cần có hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vương Văn T không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án vì trong hồ sơ vụ án đã có đủ lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Dương Văn S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là bố đẻ có công với cách mạng.

[5] Từ những nhận định, đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội

một thời gian nhất định, đủ để bị cáo cải tạo sau này trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo đã nhận ra hành vi phạm tội, thực sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo do vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở lại hòa nhập với cộng đồng và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản riêng, sống phụ thuộc gia đình, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Đối với việc Dương Văn S khai nhận được mua ma túy với Vương Văn T vào tháng 9 và tháng 11/2021, Vương Văn T không thừa nhận được bán ma túy cho Dương Văn S, ngoài lời khai của S không có tài liệu khác về việc T mua bán ma túy với S, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ căn cứ để xử lý. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý hình sự trong vụ án này là có căn cứ.

[8] Đối với người thanh niên trực tiếp bán ma túy cho Dương Văn S, do Vương Văn T không thừa nhận việc mua bán ma túy với S, S cũng không quen biết người thanh niên này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn không thể xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về vật chứng:

[9.1] Tịch thu tiêu hủy 0,658 gam ma túy Heroine (phần hao hụt do giám định); 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long đã qua sử dụng để cất giấu ma túy. Trả lại cho bị cáo Dương Văn S số tiền 2.556.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng) do đây là số tiền bị cáo đi làm thuê mà có. Về 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của Dương Văn S, xác định điện thoại dùng để liên lạc khi mua bán ma túy, do vậy là phương tiện liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu để sung quỹ Nhà nước.

[9.2] Về 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER màu trắng đen, biển kiểm soát 12S1-131.10 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên La Văn H của bị cáo La Văn H, ngày 10/7/2022, vợ bị cáo La Văn H là chị Hoàng Thị S đã có đơn xin lại tài sản. Tại phiên tòa, bị cáo La Văn H khai nhận chiếc xe mô tô là tài sản của chị Hoàng Thị S, do chị Hoàng Thị S đi làm công ty mua được, bị cáo không có đóng góp gì vào việc mua chiếc xe máy này mà chỉ đứng tên giấy đăng ký xe. Tại đơn xin lại tài sản và tại phiên tòa, chị Hoàng Thị S cũng trình bày xe mô tô là tiền của chị bỏ ra mua, do chồng chị La Văn H có giấy phép lái xe nên đứng tên đăng ký, chị Hoàng Thị S không biết chồng lấy xe đi mua ma túy, nay đề nghị xin lại để gia đình có phương tiện sử dụng, xét thấy cần trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Dương Văn S.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với bị cáo La Văn H.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn S và La Văn H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Dương Văn S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 22/12/2021, được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam là 07 (bảy) tháng 29 (hai mươi chín) ngày. Thời hạn phạt tù còn lại là 07 (bảy) tháng 01 (một) ngày.

- Xử phạt bị cáo La Văn H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 06/01/2022, được trừ đi thời gian đã tạm giam là 07 (bảy) tháng 14 (mười bốn) ngày. Thời hạn phạt tù còn lại là 04 (bốn) tháng 16 (mười sáu) ngày.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Dương Văn S và La Văn H.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 0,658 gam ma túy đựng trong 01 (một) gói nilon và các vỏ bao cũ được niêm phong trong 01 (một) phong bì thư cũ ghi chữ "Tang vật quả tang".

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) ví da màu nâu đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ bao thuốc lá Thăng Long đã qua sử dụng của Dương Văn S.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, kiểu máy 1935 màu tím; số IMEI: 862101048750817; số IMEI 2: 862101048750809, gắn thẻ sim số 0373464954, ốp nhựa màu xanh, đã qua sử dụng thu giữ của Dương Văn S.

- Trả lại cho bị cáo Dương Văn S số tiền 2.556.000đ (Hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo La Văn H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER màu trắng đen, biển kiểm soát 12S1-131.10, số khung RLCUE1340JY066330, số máy E3S1E103982, xe cũ đã qua sử dụng và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 009443 mang tên La Văn H.

Hiện trạng các vật chứng nêu trên như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Gia.

4. *Về án phí:* Buộc mỗi bị cáo Dương Văn S và La Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

5. *Quyền kháng cáo:* Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Văn Khi